

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Đ1 và anh Q”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh.

2. Ông Nguyễn Bá Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Đ1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số 1002/28 đường 21/8, khu phố 1, phường Đ2, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L, xã N1, huyện N2, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Hồ Thị Đ1 xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Q có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện N2. Từ năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do nợ nần, bất đồng quan điểm, hay cãi vã. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 02/4/2019. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Q vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã được niêm yết, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ1.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị Hồ Thị Đ1 và anh Nguyễn Xuân Q đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị Đ1 xin giải quyết cho ly hôn với anh Q, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ1, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Đ1 được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 02/4/2019 cho chị Đ1 nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Đ1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đ1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Hồ Thị Đ1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Xuân Q và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Nguyễn Xuân Q có địa chỉ cư trú tại thôn L, xã N1, huyện N2, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Hồ Thị Đ1 vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Nguyễn Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hồ Thị Đ1 và anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 55 ngày 31/5/2019. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị Đ1 và anh Q là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị Đ1 trình bày nguyên nhân vì nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, hai người không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh Q.

Quá trình giải quyết, anh Q đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị Đ1. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị Đ1 và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Đ1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị Đ1 và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 02/4/2019. Khi ly hôn, chị Đ1 xin quyền được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Địa phương cũng xác nhận cháu T đang sống cùng mẹ và được nuôi dạy tốt. Xét ý kiến của chị Đ1 và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của chị Đ1, tiếp tục giao cho chị Đ1 trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo T. Chị Đ1 không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Hồ Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Hồ Thị Đ1 và anh Nguyễn Xuân Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Đ1.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Đ1 và anh Nguyễn Xuân Q.

- *Về nuôi con chung:* Giao 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 02/4/2019 cho chị Hồ Thị Đ1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Xuân Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Hồ Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0005869 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Chị Hồ Thị Đ1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Hồ Thị Đ1 và Bị đơn – anh Nguyễn Xuân Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã N1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung